

UBND HUYỆN TU MƠ RÔNG

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

I. Nội dung báo cáo: Báo cáo kê khai lần đầu

II. Danh mục tài sản báo cáo:

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích (m ²)		Nguyên giá (triệu đồng)	Giá trị còn lại (triệu đồng)	Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG							14.703	14.703		
1	UBND xã Đăk Hà							1.098	1.098		
	Nâng cấp, sửa chữa đường vào thôn Kon Pia xã Đăk Hà (đoạn từ rẫy nhà A Nu đi vào thôn)	CT	1	2023	2023			1.098	1.098	Đang sử dụng	
2	UBND xã Đăk Rơ Ông							1.072	1.072		
	Nâng cấp, sửa chữa đường đi KSX thôn Kon Hia 2	CT	1	2023	2023			1.072	1.072	Đang sử dụng	
3	UBND xã Đăk Sao							1.072	1.072		
	Cầu treo Đăk Tu thôn Kon Cung	CT	1	2023	2023			1.072	1.072	Đang sử dụng	
4	UBND xã Măng Ri							3.300	3.300		

1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ thôn Pu Tá đi làng cũ	CT	1	2023	2023					Đang Thi công	
2	Đường nội thôn Long Hy	CT	1	2023	2023					Đang Thi công	
3	Đường đi khu sản xuất thôn Ngọc La (đoạn nối tiếp Ai Len)	CT	1	2023	2023			798	798	Đang sử dụng	
4	Nâng cấp, sửa chữa đoạn đường từ UBND xã qua thôn Chung Tam đến thôn Pu Tá	CT	1	2023	2023			800	800	Đang sử dụng	
5	Đường đi khu sản xuất Long Hy (đoạn nối tiếp Ailen)	CT	1	2023	2023			898	898	Đang sử dụng	
6	Đường đi khu sản xuất Irit thôn Ngọc La (đoạn 1)	CT	1	2023	2023			804	804	Đang sử dụng	
5	UBND xã Ngọc Lậy							2.541	2.541		
1	Nâng cấp, sửa chữa đường liên thôn Mô Za - Lộc Bông, xã Ngọc Lậy (đoạn từ ngã ba đi Mô Za đến Lộc Bông)	CT	1	2023	2023			1.041	1.041	Đang sử dụng	
2	Sửa chữa nâng cấp đường đi khu sản xuất thôn Mô Za (Toàn tuyến 2km)	CT	1	2023	2023			1.500	1.500	Đang sử dụng	
6	UBND xã Ngọc Yêu							3.177	3.177		
1	Đường đi khu sản xuất Đăk Tơ Lá (giai đoạn 2), xã Ngọc Yêu	CT	1	2023	2023			700	700	Đang sử dụng	
2	Nâng cấp mở rộng đường trục thôn Long Láy 2, xã Ngọc Yêu	CT	1	2023	2023			880	880	Đang sử dụng	

3	Đường đi thôn Ba Tu 3, xã Ngọc Yêu	CT	1	2023	2023			997	997	Đang sử dụng	
4	Đường đi khu sản xuất Chang Hai thôn Long Láy 1 (đoạn nối tiếp), xã Ngọc Yêu	CT	1	2023	2023			600	600	Đang sử dụng	
7	UBND xã Tân Xương							2.444	2.444		
1	Đường nội thôn Đăk Sông	CT	1	2023	2023			595	595	Đang sử dụng	
2	Đường nội thôn Tu Thó	CT	1	2023	2023			599	599	Đang sử dụng	
3	Đường đi khu sản xuất thôn Tân Ba	CT	1	2023	2023			1.249	1.249	Đang sử dụng	

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 (không áp dụng đối với tài sản là đường) là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại tại cột 9, cột 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

UBND HUYỆN TU MƠ RÔNG**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Thời điểm báo cáo: 01/01-30/9/2023

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích (m ²)		Nguyên giá (triệu đồng)	Giá trị còn lại (triệu đồng)	Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG							14.703	14.703		
1	UBND xã Đăk Hà							1.098	1.098		
	Nâng cấp, sửa chữa đường vào thôn Kon Pia xã Đăk Hà (đoạn từ rẫy nhà A Nu đi vào thôn)	CT	1	2023	2023			1.098	1.098	Đang sử dụng	
2	UBND xã Đăk Rơ Ông							1.072	1.072		
	Nâng cấp, sửa chữa đường đi KSX thôn Kon Hia 2	CT	1	2023	2023			1.072	1.072	Đang sử dụng	
3	UBND xã Đăk Sao							1.072	1.072		
	Cầu treo Đăk Tu thôn Kon Cung	CT	1	2023	2023			1.072	1.072	Đang sử dụng	
4	UBND xã Măng Ri							3.300	3.300		

1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ thôn Pu Tá đi làng cũ	CT	1	2023	2023					Đang Thi công	
2	Đường nội thôn Long Hy	CT	1	2023	2023					Đang Thi công	
3	Đường đi khu sản xuất thôn Ngọc La (đoạn nối tiếp Ai Len)	CT	1	2023	2023			798	798	Đang sử dụng	
4	Nâng cấp, sửa chữa đoạn đường từ UBND xã qua thôn Chung Tam đến thôn Pu Tá	CT	1	2023	2023			800	800	Đang sử dụng	
5	Đường đi khu sản xuất Long Hy (đoạn nối tiếp Ailen)	CT	1	2023	2023			898	898	Đang sử dụng	
6	Đường đi khu sản xuất Irit thôn Ngọc La (đoạn 1)	CT	1	2023	2023			804	804	Đang sử dụng	
5	UBND xã Ngọc Lây							2.541	2.541		
1	Nâng cấp, sửa chữa đường liên thôn Mô Za - Lộc Bông, xã Ngọc Lây (đoạn từ ngã ba đi Mô Za đến Lộc Bông)	CT	1	2023	2023			1.041	1.041	Đang sử dụng	
2	Sửa chữa nâng cấp đường đi khu sản xuất thôn Mô Za (Toàn tuyến 2km)	CT	1	2023	2023			1.500	1.500	Đang sử dụng	
6	UBND xã Ngọc Yêu							3.177	3.177		
1	Đường đi khu sản xuất Đăk Tơ Lá (giai đoạn 2), xã Ngọc Yêu	CT	1	2023	2023			700	700	Đang sử dụng	

2	Nâng cấp mở rộng đường trục thôn Long Láy 2, xã Ngọc Yêu	CT	1	2023	2023			880	880	Đang sử dụng	
3	Đường đi thôn Ba Tu 3, xã Ngọc Yêu	CT	1	2023	2023			997	997	Đang sử dụng	
4	Đường đi khu sản xuất Chang Hai thôn Long Láy 1 (đoạn nối tiếp), xã Ngọc Yêu	CT	1	2023	2023			600	600	Đang sử dụng	
7	UBND xã Tân Xương							2.444	2.444		
1	Đường nội thôn Đắc Sông	CT	1	2023	2023			595	595	Đang sử dụng	
2	Đường nội thôn Tu Thó	CT	1	2023	2023			599	599	Đang sử dụng	
3	Đường đi khu sản xuất thôn Tân Ba	CT	1	2023	2023			1.249	1.249	Đang sử dụng	

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 (không áp dụng đối với tài sản là đường) là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại tại cột 9, cột 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Tình trạng tài sản tại cột 11 ghi: đang sử dụng, hỏng không sử dụng.

UBND HUYỆN TU MƠ RÔNG**BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Thời điểm báo cáo: 01/01-30/9/2023

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích (m ²)		Nguyên giá (triệu đồng)	Giá trị còn lại (triệu đồng)	Thời hạn khai thác	Doanh nghiệp nhận khai thác (theo hợp đồng ký kết)	Quản lý số tiền nộp tài khoản tạm giữ, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản (triệu đồng)			Số tiền được bố trí thực hiện dự án	Ghi chú
				Diện tích đất	Sàn sử dụng					Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền còn lại trên tài khoản tạm giữ nộp ngân sách nhà nước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG													
A	TÀI SẢN DO CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TRỰC TIẾP KHAI THÁC					14.703	14.703	-	-	-	-	-	14.703	
1	UBND xã Đăk Hà					1.098	1.098		-	-	-	-	1.098	
	Nâng cấp, sửa chữa đường vào thôn Kon Pia xã Đăk Hà (đoạn từ rẫy nhà A Nu đi vào thôn)	CT	1			1.098	1.098	40 năm					1.098	
2	UBND xã Đăk Rơ Ông					1.072	1.072		-	-	-	-	1.072	
	Nâng cấp, sửa chữa đường đi KSX thôn Kon Hia 2	CT	1			1.072	1.072	40 năm					1.072	
3	UBND xã Đăk Sao					1.072	1.072		-	-	-	-	1.072	
	Cầu treo Đăk Tu thôn Kon Cung	CT	1			1.072	1.072	40 năm					1.072	
4	UBND xã Măng Ri					3.300	3.300		-	-	-	-	3.300	

C	TÀI SẢN CHUYỂN NHƯỢNG CÓ THỜI HẠN QUYỀN KHAI THÁC													
----------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 5 (không áp dụng đối với tài sản là đường) là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 6 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại tại cột 7, cột 8 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Số tiền ưu tiên thực hiện dự án ghi theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ghi vào cột ghi chú văn bản phê duyệt dự án.